

**Đà hồi phục mở rộng với thanh khoản cải thiện nhẹ**

Phiên giao dịch cuối tuần khép lại với điểm số tăng tốt, cổ phiếu hồi phục trên diện rộng và thanh khoản có sự cải thiện nhẹ khép lại một tuần giao dịch tương đối ảm đạm. VNIndex và các chỉ số giữ được đà tăng trong suốt phiên giao dịch với VNIndex đóng cửa tăng 11.21 điểm (1.25%) và thanh khoản toàn thị trường cải thiện nhẹ lên mức gần 3.400 tỷ đồng. Nhìn chung mức thanh khoản này hiện vẫn rất thấp so với trung bình trong Quý I và Quý II vừa qua cho thấy việc hồi phục vẫn chưa vững chắc và trạng thái thị trường vẫn chưa thay đổi nhiều

Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục là động lực chính cho phiên hồi phục hôm nay với ACB, BID, CTG, MBB, VPB. đều tăng giá tốt nhưng thanh khoản vẫn thấp so với các phiên giảm điểm nhưng dù sao đây cũng là tín hiệu tích cực cho thị trường ở giai đoạn hiện tại. Nhóm ngành chứng khoán, bất động sản, vật liệu xây dựng cũng hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với sắc xanh trên diện rộng trong khi đó một số cổ phiếu lớn ngành hàng tiêu dùng như VNM, SAB giảm điểm cũng tạo ra phần nào lực cản cho điểm số. Hầu hết các cổ phiếu vẫn dao động trong xu hướng giảm và đợt hồi phục hiện tại cần thêm nhiều yếu tố để giúp đảo chiều xu hướng ngắn hạn cả về điểm số lẫn thanh khoản cải thiện

Khối ngoại giao dịch tích cực trở lại phiên hôm nay với qui mô giao dịch gần 700 tỷ đồng trên sàn HOSE và bán ròng nhẹ hơn 40 tỷ đồng. Khối này bán ròng nhẹ BID, HDB, VNM, MSN, VRE, PVD trong khi đó ở chiều ngược lại VCB, DXG, HPG, CTG được mua ròng ở qui mô vừa phải. Chỉ số USD Index đang quay lại đà tăng và hiện giao dịch ở trên mức 95 điểm cơ bản và có khả năng vượt qua vùng đỉnh ngắn hạn đầu tháng 6/2108 ở mức 95.5 điểm cơ bản. Diễn biến này là đáng quan ngại bởi khi vượt qua mức này USD Index sẽ tiếp tục thể hiện xu hướng tăng giá và ở mức cao nhất trong vòng 1 năm trở lại đây. Điều này sẽ kéo theo áp lực đáng kể tới việc rút vốn ngắn hạn của khối ngoại giống như trong tháng 5 và 6 vừa qua cũng như cập tỷ giá USD/VND khiến cho tình hình tỷ giá, lạm phát và lãi suất sẽ trở lên khó đoán và bất lợi hơn cho TTCK

Chúng tôi cho rằng thị trường vẫn đang có những phiên hồi phục sau quá trình giảm mạnh thời gian gần đây với đa số các cổ phiếu hầu hết vẫn nằm trong xu hướng giảm và cần thêm thời gian để phá các kháng cự quan trọng xác nhận sự đảo chiều. Trong khi đó yếu tố thanh khoản thấp vẫn cho thấy dòng tiền chưa tự tin nhập cuộc trở lại khiến cho đà tăng chưa thực sự bền vững. Diễn biến tăng trở lại của chỉ số USD Index và có khả năng vượt đỉnh ngắn hạn sẽ tạo ra những lực cản lớn tới đà hồi phục và nỗ lực duy trì vùng hỗ trợ của các chỉ số trong tuần tới. Do đó, chúng tôi cho rằng cơ hội hồi phục ngắn hạn vẫn rất yếu và tiềm ẩn nhiều rủi ro đây vẫn là cơ hội để các nhà đầu tư còn nắm giữ nhiều cổ phiếu tái cơ cấu danh mục và giảm thiểu tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn phòng tránh các rủi ro trong giai đoạn hiện tại

Thông kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	909.7	102.5
% Thay đổi	1.25	2.07
Khối lượng	140.4	33.5
Giá trị (tỷ đồng)	2,869.5	426.4
Số mã tăng	203	91
Số mã giảm	70	77
Không thay đổi	86	216

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa	%chg
Gold(USD/Oz)	1,240	-0.53
WTI Oil (\$/B) 1Mth	70	-0.14
Brent Oil (\$/B) 1Mth	74	-0.35
USDVND	23,047	0.00
EURVND	26,862	0.03



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.90	2.47%	14.57	3.75
Thực phẩm và đồ uống	20.35	-0.22%	25.62	7.65
Năng lượng	2.99	0.81%	17.64	2.64
Tài chính	23.83	3.13%	15.54	2.43
Y tế	1.19	0.11%	18.68	3.43
Công nghiệp	7.72	1.42%	14.63	3.30
Công nghệ thông tin	0.91	4.24%	8.21	1.94
Vật liệu và hóa chất	4.86	3.43%	12.02	1.75
Bất động sản	27.65	0.02%	44.22	5.21
Dịch vụ tiện ích	7.24	2.86%	14.77	3.13

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,492.7	0.33%	13.26	1.71	4,058.1
India	11,018.9	-0.04%	22.62	3.04	1,166.7
Indonesia	5,944.1	0.61%	20.68	2.29	464.5
Laos	898.0	-0.19%	6.83	0.36	1.2
Malaysia	1,721.9	1.08%	17.76	1.80	263.4
Philippines	7,399.2	0.66%	18.90	2.08	171.0
Taiwan	10,864.5	1.17%	14.49	1.67	1,045.4
Thailand	1,643.5	0.16%	16.56	1.90	495.4
<b>Vietnam</b>	<b>909.7</b>	<b>1.25%</b>	<b>17.20</b>	<b>2.47</b>	<b>123.8</b>

Nguồn: Bloomberg

HOSE					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
VCB	54,800	2,400	4.6	1.71MLN	2.883
GAS	81,800	2,800	3.5	416,710	1.789
HPG	35,600	1,850	5.5	4.73MLN	1.312
CTG	22,600	800	3.7	5.17MLN	0.994
BID	23,500	500	2.2	3.14MLN	0.571

HNX					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
ACB	34,200	1,100	3.3	3.94MLN	0.922
SHB	7,700	200	2.7	5.80MLN	0.222
VCS	92,500	8,200	9.7	570,139	0.178
VGC	18,200	1,200	7.1	1.82MLN	0.139
CEO	12,200	500	4.3	575,501	0.050

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
VNM	166,300	-2,000	-1.2	384,360	-0.969
VHM	109,300	-700	-0.6	57,420	-0.626
NT2	26,350	-658	-11.6	353,600	-0.332
CII	27,700	-500	-1.8	1.05MLN	-0.047
POM	15,100	-650	-4.1	9,010	-0.041

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
NVB	6,800	-200	-2.9	626,000	-0.062
BVS	16,800	0	-4.0	4,000	-0.025
VHL	36,200	-1,900	-5.0	1,400	-0.018
VNC	44,500	-3,500	-7.3	1,652	-0.018
KLF	1,900	-100	-5.0	1.56MLN	-0.018

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
HPG	35,600	1,850	5.5	165	1.308
MBB	20,800	600	3.0	123	0.363
CTG	22,600	800	3.7	117	0.992
DXG	22,350	1,250	5.9	99	0.143
SSI	27,450	1,350	5.2	96	0.225

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
ACB	34,200	1,100	3.3	134	0.000
VCS	92,500	8,200	9.7	52	0.000
SHB	7,700	200	2.7	45	0.000
VGC	18,200	1,200	7.1	32	0.000
PVS	15,600	200	1.3	19	0.000

Nguồn: Bloomberg 13/07/18

**TIN VĨ MÔ**

**Việt Nam bất ngờ trở lại xuất siêu mạnh** - Ngày 12/7, Tổng cục Hải quan công bố thông tin sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong nửa cuối tháng 6/2018 (từ ngày 16/6 đến ngày 30/6/2018) với diễn biến đảo chiều của cán cân thương mại. Đáng chú ý, theo số liệu của Tổng cục Hải Quan, trong kỳ 2 tháng 6 năm 2018, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu tới gần 0,87 tỷ USD, qua đó đưa mức thặng dư của cả nước trong 6 tháng đầu năm 2018 lên 3,36 tỷ USD.

Dữ liệu trên cho thấy cán cân thương mại đã đảo chiều khá mạnh, từ hướng nhập siêu thể hiện trong tháng 5.

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

(Đơn vị: nghìn VND)

Ngày KN	Cổ phiếu	Lý do khuyến nghị	Trạng thái hiện tại	Kế hoạch giao dịch ngày 16.07	Giá hiện tại	Hiệu quả KN
---------	----------	-------------------	---------------------	-------------------------------	--------------	-------------

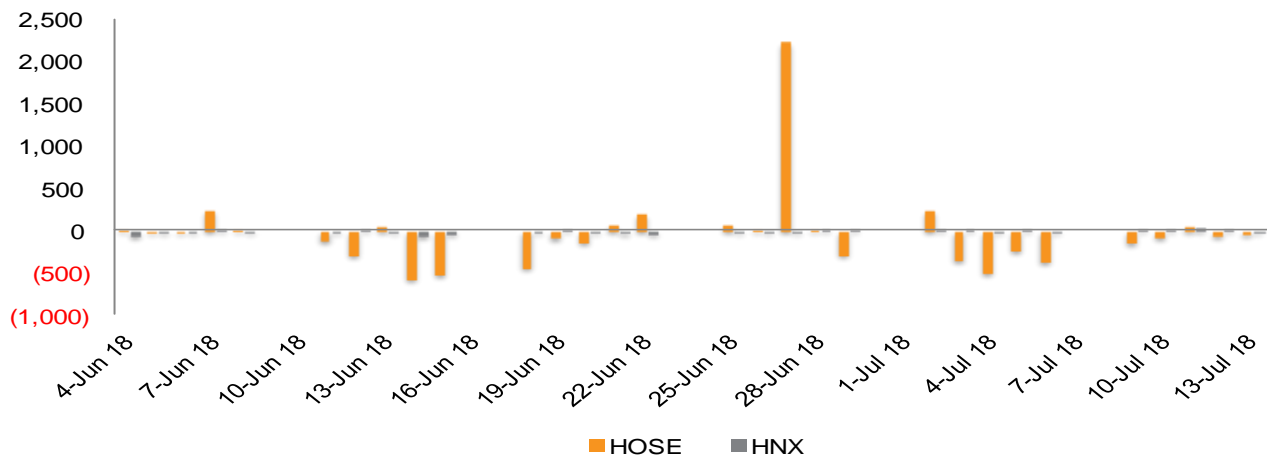
\*Những cổ phiếu nằm trong danh mục khuyến nghị của Sales & Trading có thể đồng thời thỏa mãn tiêu chí đầu tư dài hạn (Ví dụ VND Trạng thái dài hạn mua 19.5 và nắm giữ) đồng thời thỏa mãn tiêu chí đầu tư ngắn hạn (Ví dụ Trạng thái ngắn hạn mua giá 22.2 và chưa bán)

**GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI**

KLGD (triệu CP)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước		GTGD (Tỷ đồng)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước	
	HOSE	HOSE	HNX	HNX		HOSE	HOSE	HNX	HNX
<b>MUA</b>	9.4	58.3%	0.9	19.7%	<b>MUA</b>	390.3	99.1%	12.0	5.1%
% of market	6.8%	0-Jan	2.6%	0-Jan	% of market	14.9%	0-Jan	2.8%	0-Jan
<b>BÁN</b>	10.9	50.5%	2.0	135.7%	<b>BÁN</b>	436.9	69.2%	13.2	24.1%
% of market	7.9%	0-Jan	5.8%	0-Jan	% of market	16.6%	0-Jan	3.1%	0-Jan
<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>(1.57)</b>		<b>(1.1)</b>		<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>(46.6)</b>		<b>(1.1)</b>	

Nguồn: HSX, HNX

**Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)**



**LŨY KẾ 2018**

KLGD (triệu CP)	HOSE		HNX		GTGD (Tỷ đồng)	HOSE		HNX	
	% of 2017	% of 2017	% of 2017	% of 2017		% of 2017	% of 2017	% of 2017	
<b>MUA</b>	2,876.4	81.1%	291.1	72.7%	<b>MUA</b>	170,348.5	100.8%	5,499.1	66.0%
% of market	10.5%	0-Jan	3.8%	0-Jan	% of market	20.5%	0-Jan	3.3%	0-Jan
<b>BÁN</b>	2,584.0	79.3%	323.2	79.3%	<b>BÁN</b>	137,577.2	95.2%	6,390.9	74.2%
% of market	9.4%	0-Jan	4.2%	0-Jan	% of market	16.5%	0-Jan	3.8%	0-Jan
<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>292.5</b>		<b>(32.1)</b>		<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>32,771</b>		<b>(891.8)</b>	

Nguồn: HSX, HNX

**GIAO DỊCH KHÓI NGOẠI**

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VRE	36,500	0	0.00	62.5	0.000
VCB	54,800	2,400	4.58	48.4	2.875
DXG	22,350	1,250	5.92	47.0	0.143
FRT	78,000	5,000	6.85	38.8	0.113
HPG	35,600	1,850	5.48	26.9	1.308

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
VRE	36,500	0	0.00	73.3	0.000	
VNM	166,300	-2,000	-1.19	56.1	-0.967	
FRT	78,000	5,000	6.85	38.3	0.113	
VIC	103,000	0	0.00	30.0	0.000	
DXG	22,350	1,250	5.92	29.3	0.143	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
VCB	54,800	2,400	4.58	38.4	2.875	
DXG	22,350	1,250	5.92	17.7	0.143	
CTD	142,000	2,500	1.79	15.5	0.065	
GAS	81,800	2,800	3.54	9.0	1.785	
HPG	35,600	1,850	5.48	7.1	1.308	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
VNM	166,300	-2,000	-1.19	-38.3	-0.967	
VIC	103,000	0	0.00	-24.5	0.000	
MSN	74,900	900	1.22	-17.7	0.349	
HDB	33,450	450	1.36	-15.0	0.147	
BID	23,500	500	2.17	-12.5	0.569	

13/07/2018

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VGC	18,200	1,200	7.06	7.8	0.000
SHS	12,600	400	3.28	1.5	0.000
DHT	37,300	400	1.08	0.5	0.000
VCG	15,100	200	1.34	0.3	0.000
VIX	5,800	100	1.75	0.3	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
HUT	4,800	100	2.13	5.4	0.000	
VGC	18,200	1,200	7.06	1.8	0.000	
SD9	7,200	100	1.41	1.5	0.000	
MBG	2,800	200	7.69	0.9	0.000	
PVS	15,600	200	1.30	0.8	0.000	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
VGC	18,200	1,200	7.06	6.0	0.000	
SHS	12,600	400	3.28	1.4	0.000	
DHT	37,300	400	1.08	0.5	0.000	
VCG	15,100	200	1.34	0.3	0.000	
VIX	5,800	100	1.75	0.3	0.000	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
HUT	4,800	100	2.13	-5.29	0.000	
SD9	7,200	100	1.41	-1.28	0.000	
MBG	2,800	200	7.69	-0.92	0.000	
PVS	15,600	200	1.30	-0.79	0.000	
VIT	9,700	0	0.00	-0.58	0.000	

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 CỔ PHIẾU VỐN HÓA LỚN NHẤT TRÊN HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGDĐQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	103,000	-2.6	-2.3	45.9	328,737	3,192	49.3	20.8	1,786,101	53.3	9.3	16.3	2.3
2 VHM	109,300	-7.4	N/A	N/A	292,882	2,680	100.0	33.1	539,426	46.5	3.2	N/A	N/A
3 VNM	166,300	-8.1	-15.0	-20.8	241,342	1,451	43.9	40.5	698,789	26.7	9.4	35.8	30.3
4 VCB	54,800	-8.5	-19.3	-5.5	197,158	3,598	22.9	9.3	2,685,707	19.0	3.5	19.6	1.2
5 GAS	81,800	-15.3	-36.1	-18.6	156,561	1,914	4.2	45.5	699,840	15.9	3.6	23.9	15.9
6 SAB	218,000	-7.3	-4.3	-16.4	139,799	641	10.4	39.3	49,914	30.2	9.6	34.8	23.8
7 TCB	26,200	-25.4	N/A	N/A	91,611	3,497	100.0	0.0	N/A	10.2	2.9	27.7	2.6
8 CTG	22,600	-17.7	-33.9	-11.7	84,149	3,723	15.8	0.1	5,205,902	10.7	1.3	12.6	0.7
9 BID	23,500	-20.7	-44.0	-13.8	80,340	3,419	4.4	27.6	3,309,653	11.6	1.7	15.1	0.6
10 MSN	74,900	-10.3	-26.9	-19.5	78,888	1,053	42.9	20.2	930,596	21.7	5.3	24.3	5.7
11 HPG	35,600	-18.0	-18.6	-4.3	75,611	2,124	55.8	10.0	6,090,787	9.0	2.2	29.8	18.1
12 VJC	131,000	-12.5	-25.8	1.1	70,951	542	53.2	5.5	538,366	13.8	6.7	67.1	19.7
13 VRE	36,500	-18.9	-28.1	-33.6	69,389	1,901	100.0	17.0	1,259,893	46.1	2.7	5.7	5.6
14 VPB	27,400	-10.4	-26.7	-0.3	66,392	2,423	75.8	0.0	4,326,727	10.3	2.4	26.9	2.5
15 PLX	54,000	-19.4	-29.4	-37.7	62,576	1,159	6.3	9.1	489,886	18.5	2.9	16.0	5.5
16 BVH	74,300	-19.7	-28.7	7.4	52,076	701	31.2	25.1	132,189	31.3	3.6	11.7	1.9
17 NVL	51,400	-3.6	-31.0	-11.1	46,643	907	33.9	39.8	2,318,333	20.3	3.3	18.7	4.7
18 MBB	20,800	-16.1	-25.2	-10.0	44,937	2,160	61.2	0.0	5,907,973	10.8	1.5	15.2	1.5
19 MVG	105,000	-14.4	-0.4	-19.4	33,904	323	85.7	0.0	722,643	13.3	4.7	42.1	13.0
20 HDB	33,450	-18.4	-33.1	-26.4	32,814	981	100.0	2.9	1,356,425	17.0	2.3	14.9	1.0
21 ROS	44,150	-28.8	-50.5	-68.0	25,059	568	27.0	46.6	803,990	32.0	4.4	14.7	8.6
22 FPT	40,600	-13.2	-24.7	-22.4	24,910	614	81.7	0.0	820,198	8.2	2.1	27.7	11.4
23 BHN	84,000	-25.3	-29.9	-44.0	19,471	232	0.9	31.4	3,054	30.3	5.1	17.3	6.7
24 STB	10,450	-18.4	-32.4	-32.6	18,848	1,804	94.0	13.5	4,724,146	13.8	0.8	5.8	0.4
25 TPB	27,100	-3.9	N/A	N/A	18,044	666	95.3	0.0	279,715	15.8	2.3	15.9	0.8
26 EIB	14,000	-4.4	-5.7	-4.4	17,212	1,229	83.8	0.0	229,285	15.2	1.2	8.0	0.8
27 PNJ	85,000	-26.9	-31.5	-6.6	13,782	162	64.4	0.0	526,976	17.4	4.3	32.8	19.6
28 SSI	27,450	-19.1	-33.5	-12.3	13,721	500	59.8	44.9	4,788,511	10.5	1.5	14.8	7.2
29 DHG	99,700	-5.0	-11.9	-7.9	13,035	131	31.8	52.9	213,808	22.9	4.7	19.5	15.9
30 KDH	29,450	-9.4	-29.9	1.6	11,422	388	61.1	4.8	92,344	17.6	1.8	10.2	5.8
31 CTD	142,000	-11.8	-7.2	-35.7	11,117	78	88.0	7.6	229,820	7.0	1.4	22.0	12.6
32 GEX	31,300	-7.7	-17.6	N/A	10,604	339	73.6	33.6	257,473	10.3	1.9	22.3	6.9
33 HNG	11,700	35.7	41.8	32.2	10,376	887	44.8	56.2	2,706,960	16.7	0.9	5.0	1.7
34 REE	30,200	-9.9	-20.8	-28.9	9,364	310	84.4	0.0	324,810	6.6	1.2	19.2	10.9
35 VCI	52,600	-22.3	-34.3	-10.1	8,521	162	95.1	7.8	129,262	12.3	2.8	30.5	13.9
36 DXG	22,350	-33.1	-29.5	4.6	7,651	342	71.5	5.0	4,413,524	8.3	1.9	24.6	10.9
37 NT2	26,350	-9.1	-16.6	-27.2	7,586	288	32.1	27.7	343,037	10.0	1.5	14.6	6.8
38 SBT	15,150	2.4	-14.2	-34.8	7,506	495	47.4	92.7	1,642,517	14.4	1.2	8.6	3.6
39 TCH	20,500	-9.5	-13.5	-9.1	7,242	353	51.2	45.2	848,077	16.8	1.7	10.0	9.2
40 GMD	23,950	-13.7	-18.0	-37.9	6,904	288	59.6	0.0	423,743	4.1	1.2	29.8	16.8
41 CII	27,700	1.1	-14.5	-27.1	6,828	246	69.2	13.7	754,518	22.9	1.4	6.1	1.5
42 KDC	33,000	-3.2	-16.7	-24.1	6,787	206	39.5	29.1	162,029	22.0	1.1	5.0	3.2
43 PDR	25,400	-18.8	-22.4	-21.2	6,766	266	37.8	41.6	960,243	12.7	2.3	19.7	5.5
44 YEG	245,400	N/A	N/A	N/A	6,717	27	100.0	0.0	N/A	99.2	19.2	29.0	11.6
45 DPM	17,050	-7.6	-18.4	-21.6	6,672	391	35.2	28.6	780,693	12.0	0.8	8.0	6.1
46 VPI	41,300	N/A	N/A	N/A	6,608	160	100.0	38.8	N/A	9.6	3.6	38.8	13.1
47 PAN	54,900	-16.2	-16.8	22.0	6,597	120	59.8	59.4	45,818	14.4	2.4	16.5	7.6
48 HCM	48,800	-28.2	-40.4	-19.3	6,323	130	38.0	40.0	294,596	8.1	2.1	28.3	15.5
49 NLG	29,200	-2.7	-19.4	8.5	6,129	210	63.3	0.0	456,265	10.5	2.1	19.1	7.9
50 VHC	59,300	-1.5	-17.6	3.9	5,474	92	28.3	59.9	189,754	9.0	1.9	22.7	12.3
51 PPC	17,000	-2.3	-15.6	-25.3	5,450	321	24.6	33.6	178,452	6.0	1.0	16.1	10.8
52 PME	72,300	-3.0	-0.7	-1.0	5,423	75	99.0	0.0	7,175	16.7	3.4	19.3	16.0
53 DCM	10,200	-10.9	-18.1	-24.7	5,400	529	24.4	44.9	347,972	10.0	0.8	8.7	4.9
54 KBC	11,400	-8.8	-18.0	-24.0	5,355	470	75.4	31.7	2,131,394	8.7	0.6	7.5	4.0
55 FRT	78,000	-13.3	N/A	N/A	5,304	68	91.5	2.0	39,514	18.9	6.7	42.9	6.8
56 LGC	26,000	5.7	46.5	20.9	5,014	193	N/A	4.0	417	30.1	2.0	6.9	1.8
57 HAG	5,350	19.2	-2.4	-28.7	4,962	927	61.3	39.8	5,560,415	33.5	0.4	0.5	0.1
58 TLG	96,000	-3.7	-1.5	-7.2	4,853	51	26.7	72.1	679	19.6	4.4	23.6	18.8
59 PVD	12,300	-14.6	-36.9	-55.6	4,709	383	48.1	25.5	800,844	N/A	0.4	0.1	0.0
60 VCF	175,000	-5.9	13.0	-12.5	4,651	27	0.6	48.4	313	8.4	5.1	36.7	25.4

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Sales & Trading VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

## VNDIRECT SALES & TRADING

---

### **Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : [phong.sale.trading@vndirect.com.vn](mailto:phong.sale.trading@vndirect.com.vn)

Website: <http://vndirect.com.vn>